TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2025/DS-PT
Ngày 10 - 6 - 2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1482/2025/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số B, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Trần Ngọc N, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Số C, Đ, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

Bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị V, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Ngọc N trình bày:

Khoảng năm 2017 đến năm 2022 bà Nguyễn Thị V là hụi viên có tham gia chơi hụi với bà Hồ Thị Kim L, hụi do bà L làm chủ hụi. Trong thời gian chơi hụi bà V có nợ tiền hụi chết bà L với số tiền 50.000.000 đồng có bà Huỳnh Kiến Cát P biết cụ thể như sau:

- Nợ số tiền 30.000.000 đồng thông qua giấy xác nhận nợ mà bà L đã ký tên xác nhận vào ngày mùng 04/4/2021 âm lịch (tức ngày 15/5/2021 dương lịch).

-Nợ tiền hụi chết của phần hụi 5.000.000 đồng mở ngày 15/09/2020 âm lịch (tức 31/10/2020 dương lịch) nợ lại 04 phần hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng.

Bà V và bà L có thỏa thuận bà L cho bà V trả nợ dần thông qua hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền mặt. Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 31/5/2023 bà V có trả cho bà L số tiền 74.000.000 đồng. Như vậy bà V đã trả số tiền vượt (dư) 24.000.000 đồng so với số tiền mà bà V nợ bà L.

Quá trình chơi hụi và tổng kết bà V nợ bà L 50.000.000 đồng, biên nhận bản chính do bà V lưu giữ, bà L không có lưu giữ; đồng thời sổ theo dõi trả nợ hàng tháng bản chính do bà V lưu giữ, hàng tháng mỗi lần bà V trả tiền cho bà L thì bà L phải ký tên cho V; đối với việc trả tiền bằng hình thức chuyển khoản cũng do bà V trực tiếp chuyển và gửi tin nhắn xác nhận thông tin với bà L. Danh sách các lần bà V gửi tiền cho bà L mà bà V cung cấp cho Tòa án là đúng.

Lý do bà V trả tiền cho bà L vượt với số nợ là do việc trả tiền là do bà V trả nhiều lần trong thời gian dài và theo dõi ở các sổ khác nhau nên không nhớ hết. Mặt khác trong thời gian đó bà V có vay bà L một khoản khác nhưng bà V đã trả vốn xong (thể hiện tại biên bản ngày 23/3/2024 của Công an xã N) nhưng bà L vẫn tiếp tục yêu cầu trả lãi nên bà V đồng ý trả và hứa hẹn qua tin nhắn Zalo khi bà L yêu cầu trả nợ, các tin nhắn Zalo bà L cung cấp là đúng, bà V có nhắn tin cho bà L như nội dung đã được cung cấp. Tuy nhiên bà V không có tài liệu chứng cứ chứng minh thời điểm trên giữa bà và bà L có thỏa thuận ngoài việc bà V phải trả cho bà L số tiền nợ 50.000.000 đồng thì bà V phải trả thêm tiền lãi của một khoản vay khác.

Ngày 22/3/2024 bà V gửi đơn đến Công an xã N yêu cầu giải quyết do bà L nhiều lần đến nhà bà đòi nợ và gây rối bà nên bà tổng hợp lại chứng cứ đã trả

cho bà L mới phát hiện trả tiền dư. Bà V có yêu cầu bà L trả lại số tiền mà bà V đã trả vượt nhưng bà L không đồng ý.

Ngày 15/6/2024, bà L có dẫn theo vài người đến nhà bà V để đòi tiền hụi, sau đó bà L còn bịa đặt, vu khống bà V không trả tiền hụi cho bà. Do bà V là người làm ăn kinh doanh nên việc bà L nhiều lần đến gây rối tại nhà bà V đã gây ảnh hưởng rất lớn đến danh dự và uy tín của cá nhân bà V nói riêng và công việc làm ăn kinh doanh của gia đình bà V nói chung. Bà V nhận thấy rằng, việc làm này của bà L gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà V. Bà L đến nhà bà yêu cầu trả nợ thì vợ chồng bà V không có chửi bà L có Công an xã chứng kiến nhưng không có lập biên bản chỉ có đoạn quay cemara quay lại nhưng không có tiếng.

Việc bà L trình bày sau khi bà V và bà L xác nhận bà V còn nợ bà L 50.000.000 đồng thì bà V có tham gia thêm phần dây hụi 5.000.000 đồng gồm 18 phần, bà V hốt hụi đầu, bà L giao tiền đầy đủ cho bà V, sau đó bà V đóng được 7 tháng là 35.000.000 đồng, còn nợ lại 10 tháng là 50.000.000 đồng và hần hụi ngày 15/02/2022 âm lịch bà L cho bà V chơi thêm 02 phần hụi mỗi phần 5.000.000 đồng, hụi 18 người; bà V hốt hụi đầu 02 phần hụi số tiền bà L giao cho bà V là 114.000.000 đồng, bà V phải đóng lại hụi chết mỗi tháng 10.000.000 đồng, đóng hụi chết 17 tháng với số tiền 170.000.000 đồng là không đúng; bà V hoàn toàn không có tham gia hai phần hụi này.

Bà V không có thỏa thuận cấn trừ hụi qua lại với bà L; đồng thời bà V cũng không có nợ bà L số tiền 96.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà được bà V ủy quyền yêu cầu bà Hồ Thị Kim L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 24.000.000 đồng. Đồng thời bà Nguyễn Thị V yêu cầu bà Hồ Thị Kim L phải công khai xin lỗi bà Nguyễn Thị V tại chợ N1, Thành phố B, tỉnh Bến Tre

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Hồ Thị Thị L trình bày:

Bà là chủ hụi, bà V là hụi viên; năm 2021 bà và bà V có tổng kết nợ thì bà V còn nợ bà số tiền 50.000.000 đồng; giấy tổng kết nợ do bà Cát P viết và bà V lưu giữ bản chính, bà không có giữ. Bà xác nhận giấy ngày 04/4/2021 âm lịch là đúng, chữ ký trong biên nhận là chữ ký của bà. Đối với danh sách ký nhận ngày 15/2/2022 âm lịch là không đúng, chữ ký là không phải của bà, tuy nhiên số tiền còn thiếu là 20.000.000 đồng là đúng nhưng bà không nhớ thời gian nào viết giấy nợ và giấy xác nhận nợ cũng bà V có nợ bà 20.000.000 đồng do bà không có giữ bản chính giấy nợ. Tổng cộng bà V nợ 50.000.000 đồng có bà P biết đúng.

Sau đó bà V có thỏa thuận với bà, bà V chơi tiếp 01 dây hụi 5.000.000 đồng gồm 18 phần, bà V hốt hụi đầu, bà giao tiền đầy đủ cho bà V, sau đó bà V đóng được 7 tháng là 35.000.000 đồng, còn nợ lại 10 tháng là 50.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng hai khoản thì bà V nợ bà số tiền 100.000.000 đồng.

Đến ngày 15/02/2022 âm lịch bà cho bà V chơi thêm 02 phần hụi mỗi phần 5.000.000 đồng, hụi 18 người; bà V hốt hụi đầu 02 phần hụi số tiền bà giao cho bà V là 114.000.000 đồng, bà V phải đóng lại hụi chết mỗi tháng 10.000.000 đồng, đóng hụi chết 17 tháng với số tiền 170.000.000 đồng.

Đối với số tiền bà V hốt hụi là 114.000.000 đồng thì bà và bà V thỏa thuận cấn trừ nợ 100.000.000 đồng nêu trên; phần còn lại là 14.000.000 đồng thì bà V đóng hụi chết tháng đầu là 10.000.000 đồng, tháng thứ 2 đưa thêm 6.000.000 đồng là đủ hai tháng hụi chết. Đối với số tiền hụi chết 170.000.000 đồng thì bà V đóng hụi chết cho bà được 74.000.000 đồng, bà V còn nợ lại bà 96.000.000 đồng đến nay chưa trả cho bà.

Dây hụi này hai bên không có viết giấy, hàng tháng bà V đóng hụi cho bà thì có đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản, khi bà nhận tiền bà chỉ ký sổ cho bà V, sổ chính do bà V lưu giữ, bà không có lưu giữ.

Bà V thiếu tiền bà có nhiều lần nhắn tin qua Z hứa hẹn trả dần nhưng vẫn không thực hiện, do bà V nhắn tin hẹn nhiều lần không trả nên bà mới đến nhà đòi nợ. Bà thừa nhận bà có đến nhà bà V góp hụi thì bà V không đóng hụi nhưng nhiều lần chửi tục đối với bà nên bà chửi lại. Bà có đi đến chợ xã N thì vợ chồng bà V cũng chạy theo hai bên chửi, xúc phạm qua lại; Công an xã N có đến thì bà bỏ đi về nhà; Công an xã N không có lập biên bản và cũng không có xử phạt bà.

Việc bà V yêu cầu bà có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà V số tiền 24.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà cũng không đồng ý xin lỗi bà V do bà không xúc phạm danh dự bà V.

Đối với số tiền 96.000.000 đồng bà không có khởi kiện bà V trong vụ án này nhưng bà sẽ yêu cầu bà V trả nợ theo cách thức của bà.

Người làm chứng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị V là bà Huỳnh Kiến Cát P trình bày:

Bà sinh sống ở địa phương, có mở quán bán hủ tiếu; bà và bà V là bạn bè, bà L là chủ hụi ở địa phương; giữa bà và bà L, bà V không có mâu thuẫn gì. Việc chơi hụi giữa hai bên như thế nào thì bà không biết thời gian, danh sách hụi, chơi bao nhiêu dây hụi bà cũng không biết. Sau dịch covid 19 bà V có đưa giấy giao hụi và đóng hụi của bà L nhờ bà tổng kết số tiền hụi mà bà V còn nợ bà L. Số tiền 30.000.000 đồng và giấy xác nhận ngày 04/4/2021 âm lịch, hai bên xác nhận bà V còn nợ bà L số tiền 30.000.000 đồng đến hết tháng 3/2021 âm lịch. Từ tháng 4/2021 âm lịch đến tháng 9/2021 âm lịch có đóng mỗi tháng đầy đủ. Bà V tiếp tục đóng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến ngày 15/02/2022 âm lịch thì mãn hụi. Và bà có viết danh sách số tiền hàng tháng bà V phải đóng cho bà L khi nhận tiền bà L có ký tên từng lần nhận tiền. Theo danh sách này bà biết bà L có ký tên ký nhận tiền của ngày 15/10/2021 âm lịch số tiền 5.000.000 đồng này bà giao cho bà L ngày 15/2/2022 âm lịch.

Đối với số tiền hụi bà V còn nợ bà L của tháng 11, tháng 12 năm 2021 và tháng 1, tháng 2 năm 2022 âm lịch thì bà V không có nhờ bà trả cho bà L. Sau ngày 15/02/2022 bà V có chơi hụi tiếp với bà L hay không thì bà không biết. Bà cũng không biết bà V có vay mượn tiền bà L hay không, do việc này hai bên tự thỏa thuận bà không biết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị S trình bày:

Ngày 15/6/2024 bà không trực tiếp chứng kiến bà L chửi và xúc phạm uy tín bà V tại chợ N1. Tuy nhiên vào ngày 30/12/2023 lúc 18h bà có chứng kiến bà L chửi nói bà V nợ tiền bà L. Đồng thời bà L cũng đe dọa thuê giang hồ xử bà V; việc này bà V có báo Công an xã N sau đó Công an xã có mời bà, bà V, bà L lên làm việc; Sau sự việc bà L có đến nhà bà xúc phạm bà, bà L nói bà là người nhiều chuyện. Bà không trình bày gì thêm.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 217, 218, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 34, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kim L giao trả số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kim L công khai xin lỗi bà Nguyễn Thị V tại chợ xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/3/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn bà Hồ Thị Kim L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Kim L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà V về việc yêu cầu bà L phải trả lại cho bà V số tiền 24.000.000 đồng:

Qua trình bày của bà V, bà L và bà P có sự thống nhất vào năm 2021 giữa bà V, bà L có chốt nợ làm 2 lần thì bà V còn nợ bà L số tiền 50.000.000 đồng và bản chính hai lần xác nhận nợ do bà V lưu giữ, bà L không lưu giữ. Hai bên thống nhất trong thời gian từ ngày 15/3/2022 đến ngày 31/5/2023 bà V có trả cho bà L số tiền 74.000.000 đồng, hai bên thống nhất bản chính sổ theo dõi bà V trả nợ hàng tháng cho bà L là do bà V lưu giữ, bà L không có lưu giữ nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị V và bà Hồ Thị L thừa nhận bà L là chủ hụi, bà V là hụi viên, hai bên tự nguyện chơi hụi với nhau là do tự thỏa thuận về cách thức góp hụi, giao và thu tiền hụi nên không có làm văn bản hay hợp đồng gì; sự việc diễn ra nhiều năm không có tranh chấp gì. Bà V cho rằng việc trả nợ cho bà L được trả nhiều lần trong thời gian dài.

Mặt khác trong thời gian từ ngày 15/3/2022 đến ngày 31/5/2023 bà có thỏa thuận trả lãi cho bà L trong một khoản vay khác nhưng việc này không được bà L thừa nhận và bà V cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh lời trình bày này là có căn cứ. Bà L không thừa nhận bà V trả tiền dư 24.000.000 đồng bà L

cho rằng đây là số tiền của phần nợ phần hụi khác nhưng cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Tuy nhiên qua xem xét danh sách số tiền bà V liệt kê đã trả cho bà L thì có 09 lần trả đầu tiên là bà V trả tiền mặt, được ghi vào sổ theo dõi do bà Vạn giữ tổng số tiền mặt đã trả là 59.000.000 đồng. Từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022, bà V trả tiền mặt mỗi tháng là 10 triệu, tổng cộng 04 tháng này bà V đã trả 40.000.000 đồng, trong khi bà V cho rằng chỉ nợ của bà L 50.000.000 đồng, nhưng sau đó lại tiếp tục trả tiền mặt và chuyển khoản thêm 10 lần nữa, số tiền trả ít nhất/01 lần là 3.000.000 đồng là không hợp lý…qua xem xét, đánh giá diễn tiến quá trình trả nợ, thời gian trả nợ, thấy rằng bà V có đủ điều kiện để biết số tiền mình đã trả là bao nhiêu.

Hơn nữa, sau ngày 31/5/2023 (ngày bà V chuyển tiền cho bà L lần cuối cùng) thì bà L vẫn tiếp tục liên lạc (nhắn tin, gọi điện và tìm bà V) để yêu cầu bà V tiếp tục trả nợ và bà V vẫn hứa hẹn việc trả nợ cho bà L (theo tin nhắn là đến ngày 25/9/2023).

Việc bà V cho rằng bà đã trả tiền dư cho bà L là không hợp lý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc bà L trả lại số tiền 24.000.000 đồng. Tuy nhiên, có cơ sở kết luận, ngoài 50.000.000 đồng chốt nợ hụi như trên, phía bà L còn nhận của bà V 24.000.000 đồng trong các mối quan hệ vay hụi giữa hai bên mà hai bên đã thừa nhận. Do các bên chưa tranh chấp các quan hệ này nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kim L phải công khai xin lỗi bà V tại chợ xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre:

Căn cứ lời trình bày của bà V, bà L và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì vào ngày 15/6/2024 bà L có đến nhà bà V yêu cầu trả nợ và hai bên có cự cãi với nhau qua lại; bà L thừa nhận bà có đến nhà bà V yêu cầu trả nợ nhưng bị "*chồng bà V chửi tục, xúc phạm bà*" nên bà có chửi lại bà V mục đích để lấy tiền chứ không có cố ý chửi nhằm mục đích xâm phạm danh dự, uy tín của bà V. Bà V cũng không có cơ sở chứng minh mức độ ảnh hưởng của sự việc bà L đến nhà chửi bà là xâm phạm và làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của bà V.

Do đó việc bà V về việc yêu cầu bà L công khai xin lỗi bà V tại chợ xã N, thành phố B là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với lời trình bày bà Hồ Thị Kim L cho rằng bà Nguyễn Thị V còn nợ bà số tiền 96.000.000 đồng do bà Hồ Thị Kim L không có yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vạn .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 217, 218, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 34, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kim L giao trả số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kim L công khai xin lỗi bà Nguyễn Thị V tại chợ xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị V phải nộp 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005145 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị V phải nộp tiếp số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007992 ngày 18/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận